

Bản án số: 107/2024/DS - ST
Ngày: 18/06/2024
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Tuyết

3/ Bà Trần Nguyệt Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 206/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-HPT ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S)

Trụ sở: Số 266-268 đường N, phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng S (Công ty SBA) (người đại diện theo pháp luật là ông Lê Ngọc T1 - Chức vụ Tổng Giám đốc) (Theo Giấy uỷ quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng S (Công ty SBA) là ông Nguyễn Thành N (theo Giấy uỷ quyền số 2619/2024/UQ-TGD ngày 26/04/2024)

Địa chỉ liên lạc: Lầu 6, số 278 đường N, phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 74 Lầu 1, đường T, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2023, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) có người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ngân hàng S và ông Trần Quốc T thỏa thuận ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 05/10/2017, hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 88.640.128 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 83.880.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/11/2020, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/6/2024, ông T còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền là 95.959.854 đồng (Chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc là 35.230.380 đồng, lãi quá hạn là 60.729.474 đồng. Do đó, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/6/2024 là 95.959.854 đồng. Ngoài ra, ông T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – ông Trần Quốc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 08/4/2024. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có bản tự khai và Tóm tắt sao kê xác định số nợ mà ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/6/2024 là 95.959.854 đồng (Chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 35.230.380 đồng, lãi quá hạn là 60.729.474 đồng (tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 35.230.380 đồng với lãi suất quá hạn là 3,9 %/tháng). Ngoài ra, ông Trần Quốc T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 19/06/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận N phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Quốc T thanh toán tổng số tiền là 95.959.854 đồng (Chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 35.230.380 đồng, lãi quá hạn là 60.729.474 đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông Trần Quốc T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Án phí ông T chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện, yêu cầu ông Trần Quốc T trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng thẻ. Trên hợp đồng thẻ ghi địa chỉ bị đơn tại số 74 Lầu 1, đường T, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện “ông T có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên nhưng hiện nay không thực tế cư trú tại địa phương và bán nhà từ năm 2021 đi đâu không rõ”. Tuy nhiên, khi thực hiện hợp đồng vay, ông T đã cung cấp sổ hộ khẩu thể hiện ông đang cư trú tại địa chỉ số 74 Lầu 1, đường T, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho ngân hàng và tại hợp đồng tín dụng ông T cũng đã ghi địa chỉ

trên vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Như vậy, ông T là người đang phải thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng thẻ với Ngân hàng S nhưng cung cấp địa chỉ cư trú không đúng hoặc đã chuyển nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng S nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng S có đơn đề ngày 08/4/2024 đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Bị đơn là ông Trần Quốc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét ông Trần Quốc T đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 05/10/2017, loại thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng S Visa, số thẻ: 472075-7862 với Ngân hàng S để vay khoản tiền là 30.000.000 đồng, Lãi suất áp dụng cho thẻ Visa là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Theo Bản tóm tắt sao kê do Ngân hàng S nộp cho Tòa án ngày 18/6/2024, Hội đồng xét xử xác định ông T đã bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 31/10/2017. Số tiền ông T đã giao dịch là 83.880.00 đồng. Số tiền ông T đã thanh toán là 83.880.000 đồng. Khoản tiền trên được thanh toán cho các khoản phí/lãi kỳ trước và trong kỳ, các giao dịch rút tiền mặt kỳ trước và trong kỳ, các giao dịch mua hàng hóa kỳ trước và trong kỳ theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 01/11/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ tại thời điểm này là 35,230,380 đồng làm nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Việc ông T không thanh toán dư nợ thẻ tín dụng hàng tháng cho Ngân hàng S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng S.

Tính đến ngày 18/6/2024 Ngân hàng yêu cầu ông Trần Quốc T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 95.959.854 đồng (Chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 35.230.380 đồng, lãi quá hạn là 60.729.474 đồng. ông T còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 19/06/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ vào bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, có đủ cơ sở để chứng minh ông T đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng nêu trên, số tiền ông T thực hiện các giao dịch, số tiền đã thanh toán, ông T hiện còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 35,230,380 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông T trả số nợ gốc trên là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Về lãi suất: Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ -TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định mức lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng Visa là 2,6%/tháng, lãi quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn (3,9%/tháng).

Căn cứ vào Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S có thể hiện nội dung: *«Việc không thanh toán ít nhất Số Tiền Tối Thiểu của Chủ Thẻ cho đến kỳ phát hành Thông Báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp Đồng.....Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn Vị Phát Hành Thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau :.....- Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ. – Áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn Vị Phát Hành Thẻ»*

Xét thấy, mức lãi suất trên do các bên tự nguyện thỏa thuận tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất trên có cơ sở để chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông T trả số nợ lãi quá hạn 60.729.474 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến tòa để trình bày ý kiến. ông T không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán và các khoản phí mà Ngân hàng S yêu cầu và vẫn vắng mặt được xem là ông T đã từ bỏ quyền trình bày, cung cấp chứng cứ, quyền tự

bảo vệ lợi ích của mình trước tòa. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S với số nợ gốc, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng S yêu cầu ông T phải trả.

[3.4] Từ các nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với khoản nợ của thẻ tín dụng số: 472075-7862 của ông T với tổng số tiền (tạm tính đến ngày 12/06/2024) là 95.959.854 đồng (Chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 35.230.380 đồng, lãi quá hạn là 60.729.474 đồng. Ông Trần Quốc T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/06/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về thời hạn thanh toán: Từ tháng 11 năm 2020, ông T đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng S, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng S. Do vậy, cần buộc ông T thanh toán các khoản nợ làm một lần cho Ngân hàng S sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng S được chấp nhận nên bị đơn là bà Lý phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S):

[1.1] Buộc ông Trần Quốc T phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 95.959.854 đồng (Chín mươi lăm triệu chín trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 35.230.380 đồng (ba mươi lăm triệu

hai trăm ba mươi nghìn ba trăm tám mươi đồng), lãi quá hạn là 60.729.474 đồng (sáu mươi triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngày 05/10/2017.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[1.2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1]. Ông Trần Quốc T chịu 4.797.993 đồng (Bốn triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi ba đồng).

[2.2]. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 2.022.300 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi hai nghìn ba trăm đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0010921 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.5;
- Chi cục THADS Q5;
- Dương sự
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Trang